

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt chủ trương chuyển nguồn kinh phí và nhiệm vụ chi của kế hoạch năm 2016 sang thực hiện năm 2017 và biện pháp xử lý đối với một số dự án có dư ứng quá thời gian thu hồi.

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước”; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc: “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước”;

Căn cứ Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc: “Hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm”; Thông tư số 319/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc: “Quy định việc xử lý chuyển nguồn ngân sách nhà nước năm 2016 sang năm 2017”;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hoá tại Công văn số 1968/STC-ĐT ngày 18/5/2017 về việc: “Đề xuất biện pháp thu hồi tạm ứng vốn các công trình, dự án” và Công văn số 2107/STC-QLNS.TTK ngày 26/5/2017 về việc: “Đề nghị chuyển nguồn và nhiệm vụ chi năm 2016 sang thực hiện năm 2017”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chuyển nguồn kinh phí và nhiệm vụ chi của kế hoạch năm 2016 sang thực hiện năm 2017 và biện pháp xử lý đối với một số dự án có dư ứng quá thời gian thu hồi để các ngành, các đơn vị có liên quan thực hiện; với các nội dung chính như sau:

1. Tổng số nguồn kinh phí năm 2016 chuyển sang thực hiện năm 2017 là: 1.196.011.145.590 đồng (Một nghìn một trăm chín mươi sáu tỷ, không trăm mười mười một triệu, một trăm bốn mươi lăm nghìn, năm trăm chín mươi đồng).

Trong đó:

1.1. Nguồn chi đầu tư phát triển: 1.169.008.789.906,0 đồng.

1.2. Nguồn chi thường xuyên: 27.002.355.684,0 đồng.

(Có các phụ biểu chi tiết kèm theo)

2. Tổ chức thực hiện:

2.1. Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa thực hiện các thủ tục nghiệp vụ để chuyển nguồn và nhiệm vụ chi tại mục 1 nêu trên đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước. Giao Sở Tài chính thông báo cụ thể cho các đơn vị thực hiện.

2.2. Xử lý đối với một số dự án có dư ứng quá thời gian thu hồi, đặc biệt các dự án dư ứng kế hoạch vốn từ năm 2014 trở về trước (Như một số dự án, tiểu dự án do Sở Giao thông Vận tải, Sở Xây dựng, Ban quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp Thanh Hóa, UBND thành phố Thanh Hóa, UBND huyện Tĩnh Gia, UBND huyện Đông Sơn, UBND huyện Mường Lát làm chủ đầu tư): Yêu cầu Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, các ngành và đơn vị liên quan tiếp tục thực hiện nghiêm túc ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa tại Chỉ thị số 26/CT-UBND tỉnh ngày 21/9/2016 về việc: “Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng từ nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”; Công văn số 3011/UBND-KTTC ngày 22/3/2017 về việc: “Đôn đốc thu hồi tạm ứng vốn đầu tư của các công trình, dự án”; Công văn số 5227/UBND -THKH ngày 16/5/2017 về việc: “Khẩn trương thực hiện hoàn ứng vốn đầu tư các công trình, dự án”. Định kỳ vào ngày 25 hàng tháng Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp tình hình, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 2. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông Vận tải, Sở Xây dựng, Ban quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp Thanh Hóa, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, UBND thành phố Thanh Hóa, UBND huyện Tĩnh Gia, UBND huyện Đông Sơn, UBND huyện Mường Lát, các ngành và các đơn vị có liên quan căn cứ vào nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm tổ chức thực hiện; đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hoá; Trưởng Ban quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp Thanh Hóa, Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện: Tĩnh Gia, Đông Sơn, Mường Lát; Thủ trưởng các ngành, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC Thn201760 (15).

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn

BIỂU TỔNG HỢP

NGUỒN VÀ NHIỆM VỤ CHI NĂM 2016 CHUYỂN SANG NĂM 2017 THỰC HIỆN

(Kèm theo Quyết định số 1980/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Kinh phí chuyển nguồn sang năm 2016	Công văn, Quyết định	Lý do chuyển
1	2	3	4	5
	Tổng cộng (A+B):	1 196 011 145 590		
A	Nguồn chi thường xuyên	27 002 355 684		
1	Nguồn Ngân sách địa phương	18 025 863 220		
1	Nguồn tại đơn vị	18 025 863 220		
1.1	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	16 119 910 220		
-	Kinh phí mở rộng, nâng cấp các trường THPT cận chuẩn để đạt chuẩn quốc gia năm 2016 của Sở Giáo dục và đào tạo	16 119 910 220	3513/QĐ-UBND ngày 14/9/2016	Số dư tạm ứng, đơn vị đang hoàn chỉnh thủ tục hoang ứng, chuyển sang năm 2017 tiếp tục thực hiện
1.2	Sự nghiệp văn hóa thông tin	908 822 000		
-	Triển khai ứng dụng CNTT trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại tại các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa của Thanh tra tỉnh Thanh Hóa	908 822 000	4379/QĐ-UBND ngày 09/11/2016	Tháng 11/2016 UBND tỉnh mới ban hành Quyết định điều chỉnh dự toán thực hiện dự án, chuyển nguồn sang năm 2017 tiếp tục thực hiện
1.3	Sự nghiệp kinh tế	205 060 000		
-	Quy hoạch chi tiết thủy lợi vùng bắc sông mã tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 định hướng đến năm 2025 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	105 060 000	1283/QĐ-UBND ngày 13/4/2016	Số dư tạm ứng, đơn vị đang hoàn chỉnh thủ tục hoang ứng, chuyển sang năm 2017 tiếp tục thực hiện
-	Kinh phí thực hiện lễ phát động "chung tay ủng hộ vì người nghèo, không bỏ lỡ một ai ở phía sau" năm 2017 của Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa	100 000 000	5148/QĐ-UBND ngày 30/12/2016	Cuối năm UBND tỉnh mới phê duyệt bổ sung kinh phí, chuyển nguồn sang năm 2017 tiếp tục thực hiện
1.4	Nguồn dự phòng	792 071 000		
-	Xử lý khẩn cấp đê, kè biển Hậu Lộc đoạn từ K7+570-K7+920 của Chi cục Đê điều và PCLB	792 071 000	4510/QĐ-UBND ngày 21/11/2016	Ngày 21/11/2016 UBND tỉnh mới phê duyệt Quyết định bổ sung kinh phí, chuyển nguồn sang năm 2017 tiếp tục thực hiện
II	Nguồn chương trình mục tiêu quốc gia	359 097 608		
1	Nguồn tại đơn vị	359 097 608		

Handwritten signature

Số TT	Chỉ tiêu	Kinh phí chuyển nguồn sang năm 2016	Công văn, Quyết định	Lý do chuyển
I, I	CT mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo	359 097 608		
-	Dự án 2: Kinh phí tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân của Sở Giáo dục và đào tạo	359 097 608	1593/QĐ-UBND ngày 04/5/2016	Tháng 12/2016, đơn vị mới hoàn thiện hợp đồng thanh toán, chuyển nguồn sang năm 2017 tiếp tục thực hiện
III	Nguồn trung ương bổ sung	8 617 394 856		
I	Sự nghiệp môi trường	8 452 495 000		
-	Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải Bệnh viện Điều dưỡng - phục hồi chức năng tỉnh Thanh Hóa; Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Lộc của Sở Y tế	8 452 495 000	1838/QĐ-UBND ngày 31/5/2016	Số dư tạm ứng, đơn vị đang hoàn chỉnh thủ tục hoang ứng, chuyển sang năm 2017 tiếp tục thực hiện
2	Vốn viện trợ không hoàn lại nguồn UNDP	164 899 856		
-	Tiểu dự án Hỗ trợ giảm nghèo bền vững tỉnh Thanh Hóa của Sở Lao động thương binh xã hội	164 899 856	Chứng từ ghi thu ghi chi ngày 14/3/2017	Nguồn thu NSTW hỗ trợ trong tháng 3/2017 và hạch toán tạm ứng ngân sách tỉnh theo hướng dẫn tại Thông tư số 225/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính; chuyển năm 2017 để thực hiện quyết toán theo quy định.
B	Nguồn chi đầu tư phát triển	1 169 008 789 906		
I	Nguồn vốn kế hoạch năm 2016	9 235 996 272		Chi tiết tại biểu số 01
II	Số dư tạm ứng trong năm 2016	778 381 017 268		Chi tiết tại biểu số 02
III	Số dư tạm ứng từ năm 2015 trở về trước	381 391 776 366		Chi tiết tại biểu số 03
	Trong đó: Số dư tạm ứng từ năm 2014 trở về trước.	85 025 599 414		Chi tiết tại biểu số 04

Handwritten signature

Phụ biểu 01:

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2017

(Nguồn vốn kế hoạch năm 2016)

(Kèm theo Quyết định số **1980/QĐ-UBND** ngày **09/6/2017** của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: **Đồng**

STT	Dự án	Vốn kế hoạch năm 2016 còn lại đ chuyển nguồn và nhiệm vụ chi
	Tổng cộng:	9 235 996 272
I	Vốn cân đối ngân sách địa phương	8 887 947 272
1	Xây dựng trụ sở làm việc Ban quản lý di tích Lịch sử Hàm Rồng	135 263 920
2	Xây dựng tuyến đường nối động Tiên Sơn với đường Tiên Sơn	1 780 686 352
3	Nuôi trồng thủy sản nước lợ xã Quảng Chính, huyện Quảng Xương	123 169 000
4	Nâng cấp cải tạo đường nối Quốc lộ 1A với Quốc lộ 10 huyện Hậu lộc	6 598 828 000
5	Đường giao thông Quảng Bình - Quảng Thái, huyện Quảng Xương.	200 000 000
6	Trùng tu, tôn tạo Khu di tích lịch sử cách mạng Yên Trường, xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân.	50 000 000
II	Vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư	348 049 000
1	Vốn sự nghiệp môi trường	348 049 000
-	Khu xử lý chất thải thành phố Thanh Hoá.	348 049 000

Phụ biểu 02:

DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN TẠM ỨNG KLHT CHƯA QUYẾT TOÁN

CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2017

(Vốn kế hoạch năm 2016)

(Kèm theo Quyết định số 1980/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Đồng

TT	Dự án	Kế hoạch vốn năm 2016	Thanh toán đến 31/01/2017			Chủ đầu tư
			Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng chưa thu hồi huyển nguồn	
1	2	3	4=5+6	5	6	7
	Tổng cộng:	2.031.494.188.750	1.996.787.130.113	1.218.406.112.845	778.381.017.268	
A	VỐN THUỘC KẾ HOẠCH 2016	1.692.928.850.000	1.658.222.218.363	999.544.968.845	658.677.249.518	
1	Vấn cân đối ngân sách địa phương	845.665.000.000	827.082.806.963	447.065.833.745	380.016.973.218	
1	Kênh Bắc sông Chu - Nam sông Mã (nguồn vốn vay ADB)	22.279.000.000	22.279.000.000	11.659.561.537	10.619.438.463	Sở Nông nghiệp và PTNT
2	Đê cửa sông Mã đoạn từ K55+769- K62+676 thuộc xã Hoảng Tân, Hoảng Châu, Hoảng Phong, huyện Hoảng Hoá	23.303.000.000	23.093.575.000	16.302.833.000	6.790.742.000	Chi cục Đê điều và PCLB
3	Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên, huyện Thường Xuân	30.000.000.000	30.000.000.000	26.379.702.000	3.620.298.000	Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên
4	Đê kè biên xã Quảng Thái, huyện Quang Xương, tỉnh Thanh Hóa	9.000.000.000	9.000.000.000	200.000.000	8.800.000.000	Chi cục Đê điều và PCLB
5	Tiểu dự án cấp nước sạch 8 xã huyện Hoảng Hóa	9.735.000.000	9.735.000.000	3.506.988.500	6.228.011.500	Sở Nông nghiệp và PTNT
6	Đầu tư nâng cao năng lực kiểm định, kiểm nghiệm của Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Thanh Hóa	20.000.000.000	20.000.000.000	15.152.300.000	4.847.700.000	Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng Thanh Hóa
7	Trung tâm Triển lãm - Hội chợ - Quảng cáo tỉnh Thanh hóa.	45.000.000.000	45.000.000.000	41.209.448.000	3.790.552.000	Sở Xây dựng
8	Đường vành đai phía Tây thành phố Thanh Hóa	100.000.000.000	100.000.000.000	52.720.182.512	47.279.817.488	Sở Giao thông Vận tải
9	Đường vành đai Đông - Tây thành phố Thanh Hóa	20.319.000.000	20.319.000.000	1.431.000.000	18.888.000.000	Sở Giao thông Vận tải
10	Đường giao thông nối thị xã Sầm Sơn với Khu Kinh tế Nghi Sơn (Đường ven biển GĐ1)	2.930.000.000	2.930.000.000	2.732.000.000	198.000.000	Sở Giao thông Vận tải
11	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Phụ Sản	3.000.000.000	3.000.000.000	205.830.000	2.794.170.000	Bệnh viện Phụ sản
12	Xây dựng trụ sở làm việc Ban quản lý di tích lịch sử Hàm Rồng	9.400.000.000	9.264.736.080	9.109.337.080	155.399.000	Ban quản lý di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng
13	Xây dựng tuyến đường nối động Tiên Sơn với đường Tiên Sơn	4.000.000.000	2.219.313.648	127.800.000	2.091.513.648	BQL di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng, TPTH
14	Xây dựng đường vào động Tiên Sơn - Hạc Oa (nút Giao đường vào động)	3.600.000.000	3.599.982.785	3.034.039.589	565.943.196	Ban Quản lý di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng
15	Bảo tồn tu bổ tôn tạo khu Phú từ trung bày quản lý dịch vụ và cảnh quan di tích lịch sử Phú Trĩn xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc	15.400.000.000	15.400.000.000	7.961.786.000	7.438.214.000	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
16	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong khai thác và quản lý di sản văn hóa vật thể, phi vật thể tỉnh Thanh Hóa.	1.000.000.000	1.000.000.000	122.489.000	877.511.000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
17	Trụ sở làm việc Báo Thanh Hóa (Tòa nhà báo Thanh Hóa và Trung tâm Báo chí)	15.000.000.000	15.000.000.000	14.624.503.000	375.497.000	Báo Thanh Hóa
18	Đường cơ động trong khu căn cứ hậu phương của tỉnh.	10.300.000.000	10.300.000.000	10.289.187.000	10.813.000	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh

1	2	3	4=5+6	5	6	7
19	Đường giao thông Cầu Kè, huyện Thọ Xuân	10.000.000.000	10.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	UBND huyện Thọ Xuân
20	Đường giao thông từ ngã ba thôn 8 xã Tân Ninh - Am Tiêm, huyện Triệu Sơn	7.800.000.000	7.800.000.000	7.610.000.000	190.000.000	UBND huyện Triệu Sơn
21	Công sở và Hội trường văn hóa đa năng xã Ba Đình, huyện Nga Sơn	2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	UBND xã Ba Đình
22	Tuyến đường chính và xương cá thị trấn Quan Hoá.	9.100.000.000	9.100.000.000	4.709.120.000	4.390.880.000	UBND huyện Quan Hóa
23	Đường Đông Tây 4 (Quốc lộ 1A xã Trừng Lâm đến đường cao tốc Bắc Nam)	1.500.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	Ban QL Khu KTNS
24	Xây dựng và cải tạo hệ thống thoát nước thị xã Bỉm Sơn	2.462.000.000	2.462.000.000	1.343.078.812	1.118.921.188	UBND thị xã Bỉm Sơn
25	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử đền thờ Hoàng Quốc Công Đào Duy Từ	1.000.000.000	412.381.000		412.381.000	UBND huyện Tĩnh Gia
26	Đường vào mô sét khu Khu Kinh tế Nghi Sơn	15.000.000.000	15.000.000.000	4.470.000.000	10.530.000.000	Ban QL Khu KTNS
27	Dự án CHI-01 (Đường hầm sơ chi huy thống nhất Tĩnh Ủy)	6.000.000.000	6.000.000.000	2.920.000.000	3.080.000.000	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh
28	Nhà làm việc khối đoàn thể huyện Tĩnh Gia	2.298.000.000	2.298.000.000	1.722.911.000	575.089.000	UBND huyện Tĩnh Gia
29	Trung tâm Y tế huyện Nga Sơn.	6.000.000.000	6.000.000.000	5.900.000.000	100.000.000	UBND huyện Nga Sơn
30	Đường giao thông từ Quốc lộ 1A vào Nhà máy xi măng Long Sơn và Khu công nghiệp thị xã Bỉm Sơn	30.000.000.000	30.000.000.000	27.479.751.715	2.520.248.285	UBND thị xã Bỉm Sơn
31	Đường Trần Nhân Tông đoạn từ điểm cuối giai đoạn I Đại lộ Nam sông Mã đến đường Nguyễn Du thị xã Sầm Sơn	62.190.000.000	60.624.089.000	60.174.241.000	449.848.000	UBND thị xã Sầm Sơn
32	Nâng cấp cải tạo đường nối Quốc lộ 1A với Quốc lộ 10 huyện Hậu Lộc	30.000.000.000	23.401.172.000	2.641.490.000	20.759.682.000	UBND huyện Hậu Lộc
33	Khu du lịch sinh thái Quảng Cư thị xã Sầm Sơn	20.000.000.000	20.000.000.000	18.240.000.000	1.760.000.000	UBND Thị xã Sầm Sơn
34	Nâng cấp, cải tạo đường từ Tỉnh lộ 514 (xã Minh Dân) đi Tỉnh lộ 517 Đông Lợi, huyện Triệu Sơn	13.000.000.000	13.000.000.000	4.100.000.000	8.900.000.000	UBND huyện Triệu Sơn
35	Đường trục chính đô thị, thị trấn Đông Sơn (Kết nối QL45,47)	16.000.000.000	16.000.000.000	2.750.000.000	13.250.000.000	UBND huyện Đông Sơn
36	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông Sơn Lư - Tam Lư, huyện Quan Sơn	14.500.000.000	14.500.000.000	4.579.957.000	9.920.043.000	UBND huyện Quan Sơn
37	Nâng cấp, cải tạo đường Mỹ Tân - Cao Ngực - Văn Am, huyện Ngọc Lặc, nối tiếp với xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh	21.000.000.000	21.000.000.000	4.540.000.000	16.460.000.000	UBND huyện Ngọc Lặc
38	Đường giao thông từ xã Luận Thành, huyện Thường Xuân đi xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn	15.700.000.000	15.699.999.000	9.834.438.000	5.865.561.000	UBND huyện Thường Xuân
39	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Thường Xuân	1.400.000.000	1.400.000.000	1.354.000.000	46.000.000	Huyện ủy Thường Xuân
40	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông từ Tỉnh lộ 530 đến thác Ma Hào và bản Nặng Cát, xã Trí Nang, huyện Lang Chánh	12.000.000.000	11.595.421.000	1.595.421.000	10.000.000.000	UBND huyện Lang Chánh
41	Cải tạo, nâng cấp đường liên huyện từ xã Yên Lâm, huyện Yên Định đi các xã Cao Thịnh, Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc.	11.500.000.000	10.500.840.450	1.473.767.000	9.027.073.450	UBND huyện Yên Định
42	Trung tâm bồi dưỡng chính trị thị xã Sầm Sơn	2.000.000.000	2.000.000.000	496.072.000	1.503.928.000	Thị ủy Sầm Sơn
43	Cầu sông Hoàng xã Quảng Trung, Quảng Xương	16.000.000.000	16.000.000.000	2.860.000.000	13.140.000.000	UBND huyện Quảng Xương
44	Trường tiểu học nội trú xã Tam Trung, huyện Mường Lát	3.000.000.000	3.000.000.000	2.200.000.000	800.000.000	UBND huyện Mường Lát

1	2	3	4=5+6	5	6	7
45	Hệ thống chiếu sáng Quốc lộ 1A đoạn qua Khu Kinh tế Nghi Sơn	15.000.000.000	15.000.000.000	200.000.000	14.800.000.000	Ban QL Khu KTNS
46	Chỉnh trang nút giao giữa Quốc lộ 47 với đường vào cảng Lễ Môn và tuyến đường gom trước cổng Nhà máy gạch Vicenza	7.000.000.000	7.000.000.000	2.625.786.000	4.374.214.000	Ban QL Khu KTNS
47	Nâng cấp trạm bơm hoa tiêu Quang Hoa xã Xuân Minh huyện Thọ Xuân	13.000.000.000	13.000.000.000	2.000.000.000	11.000.000.000	UBND huyện Thọ Xuân
48	Cầu cứng từ thị trấn Mường Lát đi hân Pom Khuông xã Tam Chung	10.500.000.000	9.996.472.000	3.836.977.000	6.159.495.000	UBND huyện Mường Lát
49	Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Du, thị xã Sầm Sơn	24.517.000.000	18.875.411.000	1.835.073.000	17.040.338.000	UBND thị xã Sầm Sơn
50	Cải tạo nâng cấp đường từ Quốc lộ 217, Kim Sơn - Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc	4.000.000.000	4.000.000.000	1.160.000.000	2.840.000.000	UBND huyện Vĩnh Lộc
51	Trung tâm Dịch vụ du lịch hỗ trợ phát huy giá trị cụm di tích xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.	4.700.000.000	4.700.000.000	928.388.000	3.771.612.000	UBND Huyện Vĩnh Lộc
52	Hệ thống cấp nước tưới, huyện Tĩnh Gia.	20.000.000.000	20.000.000.000	16.294.683.000	3.705.317.000	UBND huyện Tĩnh Gia
53	Cải tạo nâng cấp đường giao thông từ xã Cẩm Ngọc đi xã Cẩm Phong, huyện Cẩm Thủy	12.500.000.000	12.500.000.000	9.384.875.000	3.115.125.000	UBND huyện Cẩm Thủy
54	Đường từ xã Xuân Phú, huyện Quan Hóa đi xã Trung Xuân, huyện Quan Sơn	16.500.000.000	16.452.428.000	7.114.530.000	9.337.898.000	UBND huyện Quan Hóa
55	Đường giao thông từ xã Lũng Niêm đi Khu du lịch Thác Hươu, xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước.	12.500.000.000	12.393.592.000	2.642.228.000	9.751.364.000	UBND huyện Bá Thước
56	Đường trục chính trung tâm thị trấn Vĩnh Lộc nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa	18.500.000.000	18.500.000.000	3.650.000.000	14.850.000.000	UBND huyện Vĩnh Lộc
57	Cải thiện nông nghiệp có tưới thuộc dự án (WB7) huyện Thọ Xuân	632.000.000	630.394.000	630.059.000	335.000	UBND huyện Thọ Xuân
58	Cải thiện nông nghiệp có tưới thuộc dự án (WB7) huyện Yên Định	10.600.000.000	10.600.000.000		10.600.000.000	UBND huyện Yên Định
11	Nguồn trung ương hỗ trợ	766.076.850.000	760.826.116.400	495.601.674.100	265.224.442.300	
1	Đề kế biển xã Quảng Thái, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	8.495.000.000	8.495.000.000	3.445.717.000	5.049.283.000	Chi cục Đề điều và PCLB
2	Cấp nước sạch cho xã Cẩm Vân, xã Cẩm Tâm, huyện Cẩm Thủy và xã Yên Lâm huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.	16.000.000.000	16.000.000.000	6.679.459.000	9.320.541.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
3	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá cửa sông Lý, huyện Quảng Xương.	21.850.000.000	21.850.000.000	8.278.498.000	13.571.502.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
4	Cầu bê tông đi xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy	15.000.000.000	15.000.000.000	14.800.033.600	199.966.400	Sở Giao thông vận tải
5	Cải tạo, nâng cấp đường Tỉnh lộ 516B đoạn ngã tư thị trấn Quán Lào - Thống Nhất	23.000.000.000	23.000.000.000	2.000.000.000	21.000.000.000	Sở Giao thông vận tải
6	Trường Đại học Hồng Đức cơ sở 3	19.000.000.000	19.000.000.000	17.500.000.000	1.500.000.000	Trường ĐH Hồng Đức
7	Cải tạo nâng cấp và mở rộng Bệnh viện Y học dân tộc Tĩnh	8.178.000.000	8.178.000.000	7.195.800.000	982.200.000	Bệnh viện Y học dân tộc
8	Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa	10.000.000.000	4.975.014.000	975.014.000	4.000.000.000	Bệnh viện Ung Bướu
9	Trung tâm Chăm sóc phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí khu vực miền núi Thanh Hóa	11.961.000.000	11.961.000.000	11.927.246.000	33.754.000	Sở Lao động TB xã hội
10	Cải tạo sửa chữa Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Thanh Hoá	8.039.000.000	8.039.000.000	1.340.524.000	6.698.476.000	Sở Lao động TB xã hội
11	Đường Bắc Nam 2 - Khu Kinh tế Nghi Sơn	65.000.000.000	65.000.000.000	56.115.735.000	8.884.265.000	Ban QL Khu KTNS

Handwritten signature

1	2	3	4=5+6	5	6	7
12	Đường Bắc Nam 2 (từ Quốc lộ 1A xã Xuân Lâm đến đường Đông Tây 1)	100.000.000.000	100.000.000.000	98.906.848.000	1.093.152.000	Ban QL Khu KTNS
13	Tu bổ, nâng cấp tuyến đê Tả sông Mã đoạn từ Km28-Km44+350	13.000.000.000	13.000.000.000	12.790.540.000	209.460.000	UBND huyện Hoảng Hóa
14	Đường giao thông đến khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến, huyện Hoảng Hóa giai đoạn I	6.000.000.000	6.000.000.000	3.769.907.000	2.230.093.000	UBND huyện Hoảng Hóa
15	Nâng tuyến đường thị trấn Mường Lát đồn biên phòng 483 mốc G3 huyện Mường Lát giai đoạn I	17.000.000.000	17.000.000.000	13.900.000.000	3.100.000.000	Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng
16	Đường Đông Tây, đoạn nối đường Bắc Nam 1B với đường Bắc Nam 3	100.000.000.000	100.000.000.000	92.075.969.000	7.924.031.000	Ban QL Khu KTNS
17	Cải tạo nâng cấp hồ đập Ao Vàng Bình Lương, Như Xuân	6.000.000.000	6.000.000.000	5.900.000.000	100.000.000	UBND huyện Như Xuân
18	Xử lý sạt lở bờ biển Sầm Sơn, thị xã Sầm Sơn	21.344.850.000	21.344.850.000	21.238.697.000	106.153.000	UBND thị xã Sầm Sơn
19	Kè xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông lên đoạn qua Hà Trung	12.000.000.000	12.000.000.000	8.716.474.000	3.283.526.000	UBND huyện Hà Trung
20	Kè chống sạt lở đê tả sông Bưởi đoạn K4+215-K8+362, xã Thành Hưng và đê hữu sông Bưởi đoạn K6+785 - K8+305 xã Thạch Đồng, xã Thạch Long, huyện Thạch Thành.	12.000.000.000	12.000.000.000	2.753.202.000	9.246.798.000	UBND huyện Thạch Thành
21	Cải tạo nâng cấp đường kết nối huyện Nông Cống-Quảng Xương	13.000.000.000	13.000.000.000	7.912.050.000	5.087.950.000	UBND huyện Nông Cống
22	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông vào Nhà máy xi măng Công Thanh (đoạn nút giao ngã ba xã Tân Trường vào Nhà máy xi măng Công Thanh).	30.000.000.000	30.000.000.000	5.364.392.000	24.635.608.000	Ban QL Khu KTNS
23	Đường Đông Tây 1 kéo dài - Khu Kinh tế Nghi Sơn.	100.000.000.000	100.000.000.000	39.790.602.000	60.209.398.000	Ban QL Khu KTNS
24	Nâng cấp, cải tạo đường từ Quốc lộ 1A đi khu du lịch Hải Tiến, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hoá (Giai đoạn I)	23.000.000.000	23.000.000.000	18.200.000.000	4.800.000.000	UBND huyện Hoảng Hóa
25	Đường giao thông từ xã Thanh Quân - Thanh Phong, huyện Như Xuân (Thanh Hóa) đi xã Châu Nga, huyện Quý Châu (tỉnh Nghệ An).	13.300.000.000	13.300.000.000	3.051.253.000	10.248.747.000	UBND huyện Như Xuân
26	Dầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản Đông - Phong - Ngọc, huyện Hà Trung	14.200.000.000	14.200.000.000	3.734.650.000	10.465.350.000	UBND huyện Hà Trung
27	Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Hà Dương (giai đoạn 2)	26.800.000.000	26.800.000.000	9.896.179.000	16.903.821.000	TT phát triển cụm CN Hà Trung
28	Đường tuần tra từ Km79 (Quốc lộ 217) đi hân Cha Khót - Mốc quốc giới 331, huyện Quan Sơn.	13.000.000.000	13.000.000.000	8.780.201.000	4.219.799.000	Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng
29	Dầu tư xây dựng tuyến đường tỉnh 520 đến Quốc lộ 45 vào khu du lịch sinh thái Bến En, huyện Như Thanh.	10.909.000.000	10.909.000.000	705.769.000	10.203.231.000	UBND huyện Như Thanh
30	Đường giao thông từ Quốc lộ 15A đi trung tâm xã Đông Lương - đi làng Thung, huyện Lang Chánh nối tiếp với xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc	11.000.000.000	10.781.041.000	1.781.041.000	9.000.000.000	UBND huyện Ngọc Lặc
31	Đầu tư xây dựng tuyến đường tỉnh 520 đến Quốc lộ 45 vào khu du lịch sinh thái Bến En, huyện Như Thanh.	4.000.000.000	3.999.999.400	782.785.500	3.217.213.900	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh
32	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc	1.000.000.000	993.344.000	723.344.000	270.000.000	UBND huyện Hậu Lộc
33	Đê Tả sông đê xã Thiệu Toán, Thiệu Chính Thiệu Hòa, Thiệu Tâm, Thiệu Viên - huyện Thiệu Hóa	12.000.000.000	11.999.868.000	4.569.744.000	7.430.124.000	UBND huyện Thiệu Hóa
III	Nguồn chương trình mục tiêu Quốc gia	45.623.000.000	40.516.026.000	30.529.973.000	9.986.053.000	
I	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới	3.900.000.000	3.870.306.000	381.098.000	3.489.208.000	
	Huyện Triệu Sơn	900.000.000	900.000.000		900.000.000	

1	2	3	4=5+6	5	6	7
1.1	Xây dựng mới trụ sở xã Thọ Ngọc	450.000.000	450.000.000		450.000.000	Xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn
1.2	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc Trung tâm văn hóa - Thể thao xã Xuân Thọ	450.000.000	450.000.000		450.000.000	Xã Xuân Thọ huyện Triệu Sơn
	<i>Huyện Đông Sơn</i>	450.000.000	450.000.000	80.000.000	370.000.000	
1.3	Xây dựng mới Trung tâm văn hóa - Thể thao xã Đông Thịnh	450.000.000	450.000.000	80.000.000	370.000.000	Xã Đông Thịnh, huyện Đông Sơn
	<i>Huyện Quảng Xương</i>	400.000.000	400.000.000		400.000.000	
1.4	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc Trung tâm văn hóa - Thể thao xã Quang Ch�i	400.000.000	400.000.000		400.000.000	UBND xã Quảng Ch�i, huyện Quảng Xương
	<i>Huyện Ngọc Lặc</i>	400.000.000	400.000.000		400.000.000	
1.5	Xây dựng mới trụ sở xã Ngọc Trung	400.000.000	400.000.000		400.000.000	UBND xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lặc
	<i>Huyện Thiệu Hóa</i>	450.000.000	450.000.000	127.500.000	322.500.000	
1.6	Xây dựng trụ sở xã Thiệu Châu	450.000.000	450.000.000	127.500.000	322.500.000	Xã Thiệu Châu, huyện Thiệu Hóa
	<i>Huyện Tĩnh Gia</i>	400.000.000	400.000.000	40.000.000	360.000.000	
1.7	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Hải Thanh	400.000.000	400.000.000	40.000.000	360.000.000	Xã Hải Thanh
	<i>Huyện Cẩm Thủy</i>	900.000.000	870.306.000	133.598.000	736.708.000	
1.8	Xây dựng mới trụ sở xã Phúc Do	450.000.000	420.306.000	133.598.000	286.708.000	Xã Phúc Do
1.9	Xây dựng mới trụ sở xã Cẩm Giang	450.000.000	450.000.000		450.000.000	Xã Cẩm Giang
2	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	41.723.000.000	36.645.720.000	30.148.875.000	6.496.845.000	
	<i>Vốn TW hỗ trợ chương trình 30A</i>	41.723.000.000	36.645.720.000	30.148.875.000	6.496.845.000	
2.1	Đường từ QL217 đi bản Xa Mang, xã Sơn Điện - bản Cha Lung, xã Tam Thanh, huyện Quan Sơn.	4.000.000.000	3.894.222.000	3.744.222.000	150.000.000	UBND huyện Quan Sơn
2.2	Đường giao thông từ bản Chim xã Nhi Sơn đi bản Pom Khu	800.000.000	114.591.000		114.591.000	UBND Huyện Mường Lát
2.3	Nâng cấp đường từ Pá Quân đi bản Cỏ Cại xã Trung Lý.	10.000.000.000	7.785.653.000	5.989.804.000	1.795.849.000	UBND Huyện Mường Lát
2.4	Cầu treo và đường giao thông từ xã Trung Tiễn đi xã Trung Xuân	3.523.000.000	3.139.012.000	2.117.093.000	1.021.919.000	UBND huyện Quan Sơn
2.5	Nâng cấp đường giao thông từ bản Pọng xã Phú Nghiêm huyện Quan Hoá đi xã Ban Lông, huyện Bá Thước	6.300.000.000	6.300.000.000	6.200.000.000	100.000.000	UBND huyện Quan Hóa
2.6	Trường Trung học phổ thông Thường Xuân 3, huyện Thường Xuân	3.500.000.000	2.362.042.000	2.267.042.000	95.000.000	UBND huyện Thường Xuân
2.7	Nối tiếp đường giao thông Trung Hưng Sơn Lư đến đường Tây Thanh Hoá, huyện Quan Sơn	2.000.000.000	1.700.000.000	1.410.334.000	289.666.000	UBND huyện Quan Sơn
2.8	Đường giao thông xã Nam Tiến, huyện Quan Hóa	4.000.000.000	4.000.000.000	3.900.000.000	100.000.000	UBND huyện Quan Hóa
2.9	Sửa chữa nâng cấp đường từ bản Ngáy đi bản Nà Đang xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh	3.600.000.000	3.600.000.000	3.456.260.000	143.740.000	UBND huyện Lang Chánh
2.10	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ đường Tây Thanh Hóa đi bản ún - Sài Khao, huyện Mường Lát.	4.000.000.000	3.750.200.000	1.064.120.000	2.686.080.000	UBND Huyện Mường Lát
IV	Vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và vốn khác	35.564.000.000	29.797.269.000	26.347.488.000	3.449.781.000	
I	Vốn sự nghiệp kinh tế	3.348.000.000	2.211.479.000	1.287.698.000	923.781.000	
1.1	Sửa chữa, nâng cấp hồ khe Dẻ xã Phú Lâm Tĩnh Gia	3.348.000.000	2.211.479.000	1.287.698.000	923.781.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
2	Vốn sự nghiệp môi trường	22.252.000.000	17.621.790.000	16.332.790.000	1.289.000.000	

1	2	3	4=5+6	5	6	7
2.1	Cải tạo nâng cấp hệ thống nước thải Bệnh viện đa khoa Quan Hóa	139.000.000	41.500.000	6.500.000	35.000.000	Sở Y tế
2.2	Cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước thải bệnh viện Đa khoa Hà Trung	221.000.000	56.800.000	10.800.000	46.000.000	Sở Y tế
2.3	Dự án cải tạo, nâng cấp xử lý nước thải Bệnh viện Đa khoa Hoàng Hóa	216.000.000	54.100.000	10.100.000	44.000.000	Sở Y tế
2.4	Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải Bệnh viện Phụ Sản	169.000.000	53.000.000	8.000.000	45.000.000	Sở Y tế
2.5	Xử lý và tiêu hủy chất thải rắn nguy hại Bệnh viện Nông Công	662.000.000	267.516.000	224.516.000	43.000.000	Sở Y tế
2.6	Xử lý và tiêu hủy chất thải rắn nguy hại Bệnh viện Ba Thước	275.000.000	72.511.000	43.511.000	29.000.000	Sở Y tế
2.7	Xử lý và tiêu hủy chất thải rắn nguy hại Bệnh viện Thạch Thành	750.000.000	400.922.000	338.922.000	62.000.000	Sở Y tế
2.8	Xử lý và tiêu hủy chất thải rắn nguy hại Bệnh viện Nhi	1.182.000.000	479.676.000	337.676.000	142.000.000	Sở Y tế
2.9	Xử lý và tiêu hủy chất thải rắn nguy hại Bệnh viện Ngọc Lặc	851.000.000	338.295.000	250.295.000	88.000.000	Sở Y tế
2.10	Xử lý và tiêu hủy chất thải rắn nguy hại Bệnh viện Quan Hóa	248.000.000	95.733.000	68.733.000	27.000.000	Sở Y tế
2.11	Xử lý và tiêu hủy chất thải rắn nguy hại Bệnh viện Triệu Sơn	829.000.000	320.502.000	235.502.000	85.000.000	Sở Y tế
2.12	Xử lý và tiêu hủy chất thải rắn nguy hại Bệnh viện Hậu Lộc	835.000.000	341.731.000	256.731.000	85.000.000	Sở Y tế
2.13	Xử lý và tiêu hủy chất thải rắn nguy hại Bệnh viện Tĩnh Gia	661.000.000	266.582.000	218.582.000	48.000.000	Sở Y tế
2.14	Hệ thống xử lý nước thải Bệnh viện Đa khoa Thạch Thành	214.000.000	180.971.000	120.971.000	60.000.000	Sở Y tế
2.15	Khu xử lý chất thải thành phố Thanh Hóa.	15.000.000.000	14.651.951.000	14.201.951.000	450.000.000	Công ty TNHH MTV Môi trường và CTĐT Thanh Hóa
3	Vốn sự nghiệp y tế	9.964.000.000	9.964.000.000	8.727.000.000	1.237.000.000	
3.1	Dầu tư, mở rộng Bệnh viện Nội tiết tỉnh.	9.964.000.000	9.964.000.000	8.727.000.000	1.237.000.000	Bệnh viện nội tiết
B	VỐN KÉO DÀI TỪ NĂM TRƯỚC SANG	338.565.338.750	338.564.911.750	218.861.144.000	119.703.767.750	
I	Vổ cân đối ngân sách địa phương	324.042.319.000	324.041.892.000	214.543.146.000	109.498.746.000	
1	Đường giao thông từ Quốc lộ 47 đi đường Hồ Chí Minh	100.000.000.000	100.000.000.000	47.795.055.000	52.204.945.000	Sở GTVT
2	Khu du lịch sinh thái Quảng Cư thị xã Sầm Sơn	50.000.000.000	50.000.000.000	11.062.507.000	38.937.493.000	UBND Thị xã Sầm Sơn
3	Cải dịch sông Tuấn Cung	5.175.427.000	5.175.000.000	4.725.061.000	449.939.000	Ban quản lý KKT Nghi Sơn
5	Đầu tư xây dựng các tuyến giao thông trục chính phía Tây Khu Kinh tế Nghi Sơn	165.866.892.000	165.866.892.000	148.125.818.000	17.741.074.000	Ban quản lý KKT Nghi Sơn
6	Xử lý khẩn cấp đề Hữu sông Thị Long xã thành thủy Quảng Xương	3.000.000.000	3.000.000.000	2.834.705.000	165.295.000	UBND huyện Tĩnh Gia
II	NGUỒN Trung ương	14.523.019.750	14.523.019.750	4.317.998.000	10.205.021.750	
1	Đầu tư hạ tầng phát triển sản xuất ổn định sống dân cư vùng đệm Bến En Cúc Phưm	5.868.758.000	5.868.758.000	4.223.994.000	1.644.764.000	Chi cục Kiểm lâm Thanh Hóa
2	Đường giao thông từ Quốc lộ 47 đi đường Hồ Chí Minh thuộc huyện Thọ Xuân	1.154.261.750	1.154.261.750		1.154.261.750	Sở GTVT
3	Đề kế biên Quảng Thái, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	7.500.000.000	7.500.000.000	94.004.000	7.405.996.000	Chi cục Đê điều và PCLB

Phụ biểu 03:

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TẠM ỨNG KHÔI LƯỢNG HOÀN THÀNH
CHƯA QUYẾT TOÁN CHUYÊN NGUYÊN NGUỒN SANG 2017
(Tạm ứng khối lượng hoàn thành từ năm 2015)

(Kèm theo Quyết định số 1980 /QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Đồng.

TT	Tên công trình	Dư ứng còn lại chuyển nguồn sang năm 2017	Chủ đầu tư
1	2	3	4
	Tổng cộng:	296.366.176.952	
I	Vốn cân đối ngân sách tỉnh	266.704.174.302	
1	Kênh Bắc sông Chu - Nam sông Mã (ADB)	3.149.913.101	Sở Nông nghiệp và PTNT
2	Đầu tư xây dựng hợp khối Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng và Trung tâm Thông tin ứng dụng chuyên giao khoa học và công nghệ	160.562.000	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Hạ tầng kỹ thuật khu Trung tâm Văn hóa tỉnh	1.150.998.000	Sở Xây dựng
4	Đường vành đai phía Tây Thành phố Thanh Hoá		Sở Giao thông Vận tải
5	Nâng cấp đường tỉnh 517 từ cầu Trầu (huyện Đông Tân) đến Nưa (huyện Triệu Sơn)	15.465.631	Sở Giao thông Vận tải
6	Đường giao thông từ Quốc lộ 47 đi đường Hồ Chí Minh thuộc địa bàn huyện Thọ Xuân	12.557.729.000	Sở Giao thông Vận tải
7	Đường giao thông từ Quốc lộ 47 đi đường Hồ Chí Minh thuộc địa bàn huyện Thọ Xuân	31.506.799.650	Sở Giao thông Vận tải
8	Tu bổ, khôi phục, tôn tạo di tích lịch sử Lam Kinh	3.173.000.000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
9	Xây dựng trụ sở làm việc Ban quản lý di tích Lịch sử Hàm Rồng	619.920	Ban quản lý di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng
10	Dự án CH1-01 (Đường hầm sơ chỉ huy thống nhất Tỉnh ủy)	453.448.000	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh
11	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Hậu Lộc	100.000.000	Huyện ủy Hậu Lộc
12	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ Hoa Lộc đến đê biển Mình Lộc cầu De và tuyến nhánh đến UBND xã Hưng Lộc	2.600.000.000	UBND huyện Hậu Lộc
13	Đầu tư xây dựng các tuyến giao thông trục chính phía Tây Khu Kinh tế Nghi Sơn	211.835.639.000	Ban quản lý KKT Nghi Sơn
II	Nguồn Trung ương bổ sung	25.734.964.650	
1	Nâng cấp đường giao thông Thọ Bình - Bình Sơn, huyện Triệu Sơn	986.653.000	UBND huyện Triệu Sơn
2	Đường Bắc Nam 2 (Đoạn từ Quốc lộ 1A tại xã Xuân Lâm - đường Đông Tây 1)	164.219.000	Ban quản lý KKT Nghi Sơn

KLM

1	2	3	4
3	Đường Đông Tây 4 (đoạn từ QL1A tại xã Trường Lâm, đường cao tốc Bắc Nam).	426.616.000	Ban quản lý KKT Nghi Sơn
4	Tu bổ khu di tích lịch sử Lam Kinh (Khu chính Điện)	743.074.000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
5	Đường Bắc Nam 2 - Khu Kinh tế Nghi Sơn	246.383.000	Ban quản lý KKT Nghi Sơn
6	Đê cửa sông Yên, xã Quảng Trung, Quảng Chính, Quảng Thịnh	3.848.572.000	Ban quản lý KKT Nghi Sơn
7	Đường giao thông từ Quốc lộ 47 đi đường Hồ Chí Minh thuộc địa bàn huyện Thọ Xuân	4.270.228.650	Sở Giao thông Vận tải
8	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông Xuân Quý - Thanh Lâm - Thanh Xuân, huyện Như Xuân.	400.000.000	UBND huyện Như Xuân
9	Đường Đông Tây, đoạn nối đường Bắc Nam 1B với đường Bắc Nam 3 - Khu Kinh tế Nghi Sơn	13.002.983.000	Ban quản lý KKT Nghi Sơn
10	Cải tạo nâng cấp hồ đập Ao Vàng Bình Lương, Như Xuân	81.000.000	UBND huyện Như Xuân
11	Nâng cấp Bệnh viện Đa liễu Thanh Hóa	83.652.000	Bệnh viện Đa liễu Thanh Hóa
12	Đường từ Quốc lộ 217 xã Cẩm Vân đi xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy	636.784.000	UBND huyện Cẩm Thủy
13	Xử lý sạt lở bờ biển Sầm Sơn, thị xã Sầm Sơn	844.800.000	UBND thị xã Sầm Sơn
III	Chương trình 5tr ha rừng	180.000.000	
1	Lâm trường Sim Thanh Hóa	20.000.000	Ban quản lý rừng phòng hộ Sim
2	Bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên	40.000.000	BQL khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên Thường Xuân
3	Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Lò	10.000.000	Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Lò
4	Hạt Kiểm lâm Thường Xuân	55.000.000	Hạt kiểm lâm Thường Xuân
5	Hạt Kiểm lâm Lang Chánh	55.000.000	Hạt Kiểm lâm Lang Chánh
IV	Vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và vốn khác	3.747.038.000	
1	Sự nghiệp kinh tế	3.747.038.000	
-	Hồ Châu Sơn xã Thạch Bình Thạch Thành - thuộc DA sửa chữa nâng cấp hồ chức nước Vĩnh Lộc, Thạch Thành, Cẩm Thủy	648.696.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Hồ Dục kết xã Cẩm Long huyện Cẩm Thủy - thuộc dự án sửa chữa nâng cấp hồ chức nước Vĩnh Lộc, Thạch Thành, Cẩm Thủy	1.729.907.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Sửa chữa, nâng cấp hồ Khe Dẻ xã Phú Lâm, huyện Tĩnh Gia	1.368.435.000	Sở Nông nghiệp và PTNT

Handwritten signature

Phụ biểu 04:

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN TẠM ỨNG KHỞI LƯỢNG HOÀN THÀNH
CHƯA QUYẾT TOÁN CHUYỂN NGUỒN SANG 2017**

(Tạm ứng khởi lượng hoàn thành từ năm 2014 trở về trước)

(Kèm theo Quyết định số 4.980/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh

Đơn vị: Đồng

TT	Tên công trình	Dự ứng còn lại chuyển nguồn sang năm 2017	Chủ đầu tư
1	2	3	4
	Tổng cộng:	85.025.599.414	
A	CÁC DỰ ÁN, KHU VỰC TRỌNG ĐIỂM	70.622.195.392	
I	Vốn cân đối ngân sách tỉnh	31.714.204.142	
2	Đường vành đai phía Tây Thành phố Thanh Hoá	24.439.758.124	Sở Giao thông Vận tải
3	Nâng cấp đường tỉnh 517 từ cầu Trầu (huyện Đông Tân) đến Nua (huyện Triệu Sơn)	208.974.668	Sở Giao thông Vận tải
4	Đường giao thông từ Quốc lộ 47 đi đường Hồ Chí Minh thuộc địa bàn huyện Thọ Xuân	7.065.471.350	Sở Giao thông Vận tải
II	Nguồn Trung ương bổ sung	38.907.991.250	
6	Đường Bắc Nam 2 - Khu Kinh tế Nghi Sơn	11.307.830.000	Ban quản lý KKT Nghi Sơn
7	Đường Bắc Nam 1B (nối Bắc Nam 2 đến đường 513)	5.059.856.000	Ban quản lý KKT Nghi Sơn
14	Đường giao thông từ Quốc lộ 47 đi đường Hồ Chí Minh thuộc địa bàn huyện Thọ Xuân	4.106.288.250	Sở Giao thông Vận tải
16	Đường Đông Tây, đoạn nối đường Bắc Nam 1B với đường Bắc Nam 3 - Khu Kinh tế Nghi Sơn	18.434.017.000	Ban quản lý KKT Nghi Sơn
B	CÁC DỰ ÁN CÒN LẠI	14.403.404.022	
I	Vốn cân đối ngân sách tỉnh	1.314.556.000	
1	Hạ tầng kỹ thuật khu Trung tâm Văn hóa tỉnh	931.713.000	Sở Xây dựng
5	Sân tập bóng đá và nhà ở của các vận động viên bóng đá	200.000.000	
6	Đường cơ động trong khu căn cứ hậu phương của tỉnh.	38.861.000	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh
7	Khu hội nghị huyện Mường Lát.	124.069.000	UBND huyện Mường Lát
8	Bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng sân bay Sao Vàng	19.913.000	UBND huyện Thọ Xuân
II	Nguồn Trung ương bổ sung	8.920.021.022	
1	Dự án ổn định đời sống đồng bào Mông huyện Mường Lát	564.878.000	UBND huyện Mường Lát
2	Cấp nước dự thị Lam Sơn - Sao Vàng	200.000.000	UBND huyện Thọ Xuân
3	Tái định cư Hải Bình (Giai đoạn 1)	457.494.000	Ban quản lý KKT Nghi Sơn

Kiểm

1	2	3	4
4	Nâng cấp sửa chữa cải tạo kênh tiêu Than huyện Tĩnh Gia	867.534.171	UBND Huyện Tĩnh Gia
5	Đường giao thông từ Quốc lộ 1A vào khu du lịch Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia	5.316.360.851	UBND Huyện Tĩnh Gia
8	Đường vào mỏ sệt Khu Kinh tế Nghi Sơn	13.543.000	Ban quản lý KKT Nghi Sơn
9	Nâng cấp bờ hữu sông Mã đoạn K40+742-K44+00	738.408.000	UBND thành phố Thanh Hóa.
10	Tiêu thoát lũ sông Nhơ địa bàn huyện Nông Cống	440.284.000	UBND huyện Nông Cống
11	Hệ thống đường phục vụ sản xuất lâm nghiệp và phát triển rừng	119.110.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa
12	Tu bổ nâng cấp tuyến bờ tả sông Mã đoạn từ Km28-Km44+350	66.126.000	UBND huyện Hoằng Hóa
13	Trung tâm Chăm sóc, phục hồi chức năng người tâm thần & rối nhiễu tâm trí miền núi Thanh Hóa	36.283.000	Sở Lao động, Thương binh - Xã hội
15	Đường Thiệu Phú - Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa.	100.000.000	UBND huyện Thiệu Hóa
III	Chương trình mục tiêu Quốc gia	3.929.127.000	
1	Chương trình MTQG Văn hóa	106.360.000	
-	Bảo tồn tôn tạo khu di tích lịch sử Thái Miếu Nhà Hậu Lê	106.360.000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thanh Hóa
2	Chương trình MTQG Việc làm	3.047.626.000	
-	Đầu tư xây dựng trung tâm giới thiệu việc làm Thanh Hóa	3.047.626.000	Trung tâm giới thiệu việc làm
3	Chương trình Giảm nghèo bền vững	775.141.000	
	<i>Vốn Trung ương hỗ trợ chương trình 30a</i>	<i>775.141.000</i>	
-	Kênh, mương K5+K3 đến Na Khả xã Tén Tằn, huyện Mường Lát	10.455.000	UBND huyện Mường Lát
-	Đập, mương Chiêng xã Tam Chung, huyện Mường Lát.	314.686.000	UBND huyện Mường Lát
-	Đường giao thông làng Mải xã Bình Lương, huyện Như Xuân	250.000.000	UBND huyện Như Xuân
-	Đường giao thông xã Nam Tiến huyện Quan Hóa	200.000.000	UBND huyện Quan Hóa
IV	Trung ương bổ sung kiên cố hóa trường lớp học	239.700.000	
	<i>Huyện Bá Thước</i>	<i>239.700.000</i>	
1	Trường mầm non làng Kịt xã Lũng Cao	34.000.000	Xã Lũng Cao
2	Trường mầm non Làng Thành Công xã Lũng Cao	34.000.000	Xã Lũng Cao
3	Trường tiểu học làng Cao Hoong, xã Lũng Cao	34.000.000	Xã Lũng Cao
4	Trường tiểu học Lũng Cao 2 Khu Chính	19.000.000	Xã Lũng Cao

1	2	3	4
5	Trường tiểu học Lũng Cao 2 Thành Công	78.000.000	Xã Lũng Cao
6	Trường tiểu học Lũng Cao 2 Cao Hoang	26.000.000	Xã Lũng Cao
7	Trường tiểu học Lũng Cao 1	14.700.000	Xã Lũng Cao